

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-PT

Ngày 28 - 9 - 2021

V/v tranh chấp ranh giới đất, không
gian quyền sử dụng đất, yêu cầu
di dời tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Trường

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Cường

Bà Hoàng Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Khánh Phương - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:
Bà Vương Thị Chiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 28/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2021/TLPT-DS ngày 21/7/2021 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất, không gian quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 13/2021/QĐ-PT ngày 01/9/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị B. Địa chỉ: Số nhà x, ngõ x, đường P, tổ x, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị D. Địa chỉ: Số nhà y, ngõ x, đường P, tổ x, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T. Địa chỉ: Tổ z, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 14/7/2021), có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đoàn Thị B trình bày:* Đất ở của gia đình bà đã được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) từ năm 1999, đến năm 2019 bà đã tách ra một thửa diện tích 80m² phần giáp với nhà của bà Nguyễn Thị D. Khi làm thủ tục tách thửa, bà có mời địa chính thành phố đến đo đạc xác định ranh giới đất, khi đo đạc thì thấy rằng phần đường ống nước thải của nhà bà D nằm trên diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà. Bà đã nhiều lần gặp và trao đổi với bà D đề nghị bà D cho tháo dỡ toàn bộ các công trình, tài sản nằm trên ranh giới quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là QSDĐ) của gia đình bà gồm: Đường ống nước thải chạy nổi dưới chân tường nhà bà D; phần mái tôn lợp chõm sang và các cục nóng điều hoà gắn trên tường nhà bà D vì đã lấn sang diện tích đất và khoảng không đất của bà nhưng bà D không thực hiện. Ngày 27/6/2019, bà đã đề nghị Tổ hoà giải của tổ dân phố x đến hoà giải nhưng bà D không nhất trí tháo dỡ theo đề nghị của bà; ngày 17/7/2019 Ủy ban nhân dân phường T tổ chức hoà giải nhưng bà D không đến; ngày 25/7/2019 Ủy ban nhân dân phường tổ chức hoà giải lần thứ 2 bà D cũng không có mặt, do đó không tổ chức hoà giải được tại phường. Nay bà khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc bà Nguyễn Thị D phải tháo dỡ đường ống nước, cắt phần mái tôn chõm sang và tháo các cục nóng điều hoà trên tường nhà bà D do đã làm bên phần đất của gia đình bà để bà được quyền sử dụng đất.

** Theo Bản tự khai ngày 30/12/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:* Bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà B vì trước khi dựng nhà địa thế thửa đất nhà bà cao hơn đất nhà bà B 0,5m, ngăn cách giữa hai thửa đất là một hàng gạch ba banh được xây kiên cố cao khoảng 1m50 và hai bên cùng nói rõ phần đất của mỗi nhà từ hàng rào gạch hất về là của nhà đó, hàng gạch đó đến nay vẫn còn, bà dựng nhà khung do đó phần giữa của thửa đất bà không xây hết đất mà đã để thừa cách bờ tường gạch ngăn giữa hai nhà một khoảng 0,5m để mở cửa sổ và làm ống nước nổi, quá trình bà xây nhà và khi xây nhà xong giữa hai bên không có tranh chấp gì. Đến tháng 6/2019, bà B muốn bán đất nên nhà bà cũng muốn mua để cho đất của hai bên đều vuông vắn, tuy nhiên hai bên không thống nhất được giá cả nên bà không mua nữa. Không hiểu vì lý do gì bà B đã tự ý đo đạc đất xong báo với nhà bà là bà đã lấn chiếm đất của bà B và cho chồng, con đập phá hàng rào, thuê người mang máy đến khoan phá, đục tường rào ngăn cách giữa hai bên và đo luôn cả phần đất 0,5m bà để dư đang chạy đường ống nước, xác định phần đất này là của bà B. Bà B đã làm đơn kiện bà ra tổ, phường và kiện ra Tòa án là hoàn toàn vô lý, bà không chấp nhận, bà đang sử dụng đúng với diện tích đất được Nhà nước cấp theo GCNQSDĐ được cấp và khi xây dựng nhà bà có đề nghị địa chính đo đạc để xác định cho bà xây dựng đúng với diện tích được cấp. Bà đề nghị Tòa án cho đo đạc và xác định diện tích đất thực tế của cả hai nhà so với GCNQSDĐ để giải quyết theo đúng quy định của pháp luật; đồng thời đề nghị buộc bà B phải xây lại hàng gạch ngăn cách giữa hai nhà cho đúng hiện trạng ban đầu và phải

bồi thường cho bà vì đã cho khoan đục móng nhà bà khiến nhà bị nứt gây thiệt hại và nguy hiểm đến gia đình bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 18/6/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 272, Điều 273 của BLTTDS; Căn cứ Điều 175, Điều 176 của BLDS năm 2015; Căn cứ Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị B đối với bà Nguyễn Thị D về việc Tranh chấp ranh giới đất, không gian QSDĐ, yêu cầu di dời tài sản.

2. Buộc gia đình bà Nguyễn Thị D phải tháo dỡ toàn bộ đường ống nước thải nhựa Tiền Phong D90, dài 10m nằm bên ngoài tường phía trục A nhà bà D; 02 cục nóng điều hoà lắp trên tường và cắt phần mái tôn lợp chõm sang khoảng không thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình bà Đoàn Thị B *(Có bản đồ lồng ghép ranh giới mảnh trích đo địa chính số TĐ17-2020 và sơ đồ hiện trạng tài sản trên đất kèm theo)*.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/7/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang, với nội dung không nhất trí với việc thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm. Bà D đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm đưa ông Trịnh Xuân L và bà Nguyễn Thị T; ông Đinh Văn H và bà Lê Thị Q; ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thúy H2; ông Nguyễn Trọng V và bà Nguyễn Thị T1 vào tham gia tố tụng; đồng thời đề nghị đo đạc lại toàn bộ diện tích đất của nguyên đơn và bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị D và người đại diện theo ủy quyền giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng về đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị D, sửa một phần Bản án sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, xử buộc bà Nguyễn Thị D phải tháo dỡ toàn bộ đường ống nước thải nhựa Tiền Phong D90, dài 10m nằm bên ngoài tường phía trục A nhà bà D; 02 cục nóng điều hoà lắp trên tường và cắt phần mái tôn lợp chõm sang khoảng không thuộc quyền quản lý, sử dụng

của gia đình bà Đoàn Thị B. Xử buộc bà Nguyễn Thị D trả lại cho bà Đoàn Thị B diện tích 9,8m² đất (các điểm từ D1, D2, D3 khép về D1) nằm trong diện tích đất của bà B đã được cấp GCNQSDĐ số CR 485544, thửa số 80, tờ bản đồ số 05. Về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, giữ nguyên. Về án phí phúc thẩm, bà D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến, tranh luận của các bên đương sự, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, ngày 01/7/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị D có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, đơn kháng cáo được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án chấp nhận để thụ lý, xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Nguồn gốc đất: Bà Nguyễn Thị D nhận chuyển nhượng QSDĐ từ ông Nguyễn Trọng V, vợ là Nguyễn Thị T1 theo Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 03/3/2014 được công chứng tại Văn phòng công chứng K tỉnh Hà Giang. Hộ ông Nguyễn Trọng V, vợ là Nguyễn Thị T1 đã được Ủy ban nhân dân thị xã H cấp GCNQSDĐ ngày 04/11/2009, diện tích 143,5m², thuộc thửa số x, tờ bản đồ số x, mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị. Sau khi nhận chuyển nhượng, ngày 03/4/2014 bà Nguyễn Thị D được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp GCNQSDĐ số BR 937841, diện tích 143,5m², thửa số 71, tờ bản đồ số 36 (nay là thửa số 152 tờ bản đồ số 33). Sơ đồ thửa đất thể hiện ranh giới đất tiếp giáp với thửa đất của bà Đoàn Thị B là đường thẳng, chiều dài 28m.

[4] Trước đó hộ ông V, bà T1 nhận chuyển nhượng QSDĐ từ hộ ông Nguyễn Thế H1, vợ là Nguyễn Thúy H2; hộ ông H1, bà H2 nhận chuyển nhượng QSDĐ từ hộ ông Đinh Văn H, vợ là Lê Thị Q, đều thể hiện trên sơ đồ thửa đất tại vị trí giáp ranh với thửa đất của bà B là đường thẳng. Tất cả các hộ ông V, bà T1; ông H1, bà H2; ông H, bà Q sau khi được cấp GCNQSDĐ sử dụng ổn định, không có tranh chấp, không có khiếu nại hay phản đối việc cấp GCNQSDĐ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đất.

[5] Kể từ khi bà D được cấp GCNQSDĐ ngày 03/4/2014 đến khi xảy ra tranh chấp giữa bà Đoàn Thị B và bà năm 2019, bà sử dụng ổn định, không có khiếu nại gì về GCNQSDĐ cũng như sơ đồ thửa đất thể hiện trên GCNQSDĐ do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Giang cấp cho bà.

[6] Theo Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 03/3/2014 giữa bên chuyển nhượng là ông V, bà T1 và bên nhận chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị D thì trích lục thửa đất (Bút lục số 291) do Văn phòng đăng ký QSDĐ thành phố

H thực hiện thể hiện ranh giới đất của hộ ông V, bà T1 chuyển nhượng cho bà D có một bên tiếp giáp ranh giới đất của bà B là một đường thẳng, có chiều dài là 28m chứ không phải là đường cong như trình bày của bà D. Như vậy, GCNQSDĐ cấp cho hộ ông V, bà T1 và GCNQSDĐ cấp cho hộ bà D là trùng khớp, không có sự sai lệch về diện tích, ranh giới QSDĐ phù hợp với Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông V, bà T1 và bà D.

[7] Kháng cáo của bà Nguyễn Thị D cho rằng không nhất trí với việc thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm và không đưa những người liên quan vào tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm đưa ông Trịnh Xuân L, bà Nguyễn Thị T; ông Đinh Văn H, bà Lê Thị Q; ông Nguyễn Trọng V, bà Nguyễn Thị T1 vào tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[8] Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà D không có đơn đề nghị đưa những người này vào tham gia tố tụng. Xét thấy ông Trịnh Xuân L, bà Nguyễn Thị T là hộ liền kề giáp đất bà D nên ông L, bà T không liên quan gì đến việc giải quyết vụ án. Đối với ông Đinh Văn H, bà Lê Thị Q là người chuyển nhượng đất cho ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thúy H2, sau đó chuyển nhượng cho ông V, bà T1. Tất cả những người này không liên quan gì đến hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông V, bà T1 và bà D nên không cần đưa những người này vào tham gia tố tụng.

[9] Đối với nội dung kháng cáo của bà cho rằng tại biên bản thẩm tra (hồ sơ chuyển quyền sử dụng đất) ngày 20/4/2003 của Phòng Địa chính thị xã H (nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố H) thể hiện phần ranh giới giữa hộ ông Đinh Văn H, vợ là Lê Thị Q và hộ bà Đoàn Thị B là đường cong nhưng trong hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ và GCNQSDĐ lại là đường thẳng.

[10] Hội đồng xét xử xét thấy: Biên bản thẩm tra do Phòng Địa chính thị xã H lập ngày 20/4/2003 thể hiện nội dung thẩm tra về hồ sơ chuyển nhượng QSDĐ theo quy định của pháp luật về đất đai giữa bên chuyển nhượng QSDĐ là ông Đinh Văn H, vợ là Lê Thị Q và bên nhận QSDĐ là bà Nguyễn Thị H2 (vợ ông H1) không liên quan gì đến hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa ông Nguyễn Trọng V, vợ là Nguyễn Thị T1 và bà. Mặt khác, khi hộ ông H, bà Q được Ủy ban nhân dân thị xã H cấp GCNQSDĐ ngày 26/12/2002 thì sơ đồ thửa đất ghi trên GCNQSDĐ phía tiếp giáp với hộ bà B là một đường thẳng. Sau khi hộ ông H, bà Q được cấp GCNQSDĐ năm 2002 rồi chuyển nhượng cho vợ chồng ông H1, bà H2 năm 2003, cả hai bên đều không có ý kiến gì về việc cấp GCNQSDĐ.

[11] Tại giai đoạn phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang tiến hành xác minh đối với ông Nguyễn Thế H1 là người chuyển nhượng QSDĐ cho ông Nguyễn Trọng V, vợ là Nguyễn Thị T1 và bà Nguyễn Thị T1 (vợ ông V) là người đã chuyển nhượng QSDĐ cho bà Nguyễn Thị D. Qua xác minh, ông H1, bà T1 đều cho rằng ranh giới đất tiếp giáp với hộ bà B là một đường cong chứ không phải là một đường thẳng.

[12] Hội đồng xét xử xét thấy như đã phân tích ở đoạn [3], [4], [5], [6], quá trình các bên làm hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ, thẩm tra hồ sơ chuyển

nhượng QSDĐ của cơ quan chuyên môn và việc cấp GCNQSDĐ của cơ quan có thẩm quyền, các bên đều không có khiếu nại hay có ý kiến gì. Sau khi được cấp GCNQSDĐ, các bên sử dụng ổn định, không có tranh chấp, khi chuyển nhượng đúng diện tích, ranh giới, vị trí thửa đất thể hiện trong GCNQSDĐ và sơ đồ thửa đất. Vì vậy, ý kiến của ông Nguyễn Thế H1; bà Nguyễn Thị T1 cho rằng ranh giới tiếp giáp với đất hộ bà B là một đường cong là không có căn cứ. Việc thu thập chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm là khách quan, đúng quy định của pháp luật.

[13] Xét kháng cáo của bị đơn về việc đo đạc lại toàn bộ diện tích đất của nguyên đơn và bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

[14] Bà Đoàn Thị B được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang cấp GCNQSDĐ số O 234312 ngày 17/7/1999, diện tích 436m² đất ở đô thị, thuộc thửa số 78^a, tờ bản đồ số 36 (HN-72), được xác định là thửa số 180, tờ bản đồ địa chính số 05, diện tích tách thửa là 80m². Ngày 02/12/2019 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang cấp GCNQSDĐ số CR 485544 có một bên tiếp giáp với diện tích đất của bà Nguyễn Thị D.

[15] Ngày 12/5/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, lập sơ đồ hiện trạng tài sản trên đất, bà D có mặt và ký vào biên bản. Đến ngày 20/8/2020, Văn phòng đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang cung cấp bản đồ lồng ghép ranh giới mảnh trích đo địa chính số TĐ-2020, bị đơn bà Nguyễn Thị D không có ý kiến gì về kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, sơ đồ hiện trạng và bản đồ lồng ghép. Xét thấy kháng cáo của bà D về việc đo đạc lại toàn bộ diện tích của hộ bà B và bà D là không có căn cứ.

[16] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc, đã xác định được diện tích đất tranh chấp giữa hộ bà B và hộ bà D là 9,8m², thuộc thửa số 2 do bà D xác định (các điểm từ D1, D2, D3 khép về D1) nằm trong diện tích đất của bà B đã được cấp GCNQSDĐ số CR 485544, thửa số 80, tờ bản đồ số 05.

[17] Tổng diện tích đất 9,8m² có đường ống nước thải bằng nhựa nằm bên ngoài phần móng nhà bà D và nằm trên đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà B; 02 cục nóng điều hòa lắp trên tường và phần mái tôn lợp chõm ra bên ngoài tường nhà bà D đã lấn sang diện tích không gian trên đất thuộc quyền sử dụng của hộ bà B.

[18] Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị B về việc tranh chấp ranh giới đất, không gian quyền sử dụng đất, di dời tài sản trên đất và xử buộc bà Nguyễn Thị D tháo dỡ toàn bộ tài sản nằm trên diện tích đất 9,8m² thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà B là có căn cứ.

[19] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị D không đưa ra được chứng cứ gì mới ngoài những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Nên Hội đồng xét xử xét thấy, kháng cáo của bà D không có căn cứ để chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án số 18/2021/DS-ST ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang.

[20] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn không yêu cầu đổi với diện tích 9,8m² đất mà chỉ yêu cầu bà D tháo dỡ, di dời tài sản để trả lại không gian quyền sử dụng đất cho bà. Xét thấy việc sửa bản án sơ thẩm là không cần thiết, nên giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[21] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị D, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 18/2021/DS-ST ngày 18/6/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 175, Điều 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị B đối với bà Nguyễn Thị D về việc Tranh chấp ranh giới đất, không gian quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản.

2. Buộc gia đình bà Nguyễn Thị D phải tháo dỡ toàn bộ đường ống nước thải nhựa Tiền Phong D90, dài 10 mét nằm bên ngoài tường phía trục A nhà bà D; 02 cục nóng điều hoà lắp trên tường và cắt phần mái tôn lợp chõm sang khoảng không thuộc quyền quản lý, sử dụng của gia đình bà Đoàn Thị B (*Có bản đồ lòng ghép ranh giới mảnh trích đo địa chính số TĐ17-2020 và sơ đồ hiện trạng tài sản trên đất kèm theo*).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Nguyễn Thị D phải hoàn trả cho bà Đoàn Thị B số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc bằng máy GPS là 9.970.240 đồng (*Chín triệu chín trăm bảy mươi nghìn hai trăm bốn mươi đồng*).

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp (do ông Đào Sỹ L nộp thay) theo biên lai thu số 0002542, ngày 09/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang.

Trả lại cho bà Đoàn Thị B số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang theo biên lai thu số 01403, ngày 28/11/2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPHG;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Trường